

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin quản lý
Trạm Y tế xã, phường, thị trấn**

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 117/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định về Y tế xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 33/2015/TT-BYT ngày 27 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế xã, phường, thị trấn;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định về xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin quản lý Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

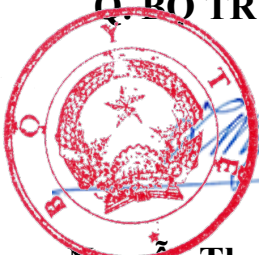
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, ban hành và thay thế Quyết định số 6110/QĐ-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin quản lý Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Các Ông/Bà: Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Thủ trưởng các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phó TTg. Vũ Đức Đam (để b/c);
- Các Thứ trưởng Bộ Y tế;
- Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Lưu: VT, CNTT.

Q. BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Long

**QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI HỆ THỐNG THÔNG TIN
QUẢN LÝ TRẠM Y TẾ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12 tháng 8 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Phạm vi Điều chỉnh

Quyết định này quy định về xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin quản lý Trạm Y tế xã, phường, thị trấn (sau đây gọi tắt là Hệ thống) bao gồm: chức năng Hệ thống, hạ tầng kỹ thuật và nhân lực công nghệ thông tin.

2. Nguyên tắc chung xây dựng và triển khai Hệ thống

a) Xây dựng và triển khai Hệ thống phải có tính tổng thể, thống nhất. Các thông tin được trao đổi và sử dụng lại ở các phân hệ khác nhau, tránh việc một thông tin phải nhập nhiều lần;

b) Các phân hệ và chức năng quy định tại quyết định này là yêu cầu tối thiểu trong Hệ thống thông tin quản lý Trạm Y tế xã, phường, thị trấn;

c) Thiết kế Hệ thống mang tính mở, các tài liệu phân tích, thiết kế phải đầy đủ, chi tiết, thuận tiện cho việc bảo hành, bảo trì và nâng cấp. Giao diện người dùng cần được thiết kế khoa học, hợp lý, tạo thuận lợi, dễ dàng cho người sử dụng;

d) Hệ thống phải tuân theo các tiêu chuẩn công nghệ thông tin và an toàn thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Y tế ban hành;

đ) Bảo đảm kết nối, liên thông dữ liệu với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ sở y tế tuyến huyện, tuyến tỉnh, Bộ Y tế và Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu y tế cơ sở của Bộ Y tế (V20);

e) Hệ thống phải cập nhật đầy đủ các biểu mẫu, báo cáo thống kê mới theo quy định của Bộ Y tế và các cơ quan chức năng có liên quan.

II. CHỨC NĂNG CỦA HỆ THỐNG

1. Quản lý công tác dân số kế hoạch hóa gia đình

a) Thông tin nhân khẩu theo hộ gia đình:

- Mã hộ gia đình, họ và tên, quan hệ với chủ hộ, ngày sinh, giới tính, nhóm máu (hệ ABO, hệ RH), dân tộc, quốc tịch, tôn giáo, nghề nghiệp, số chứng minh nhân dân/căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp, tình trạng hôn nhân, địa chỉ thường trú, địa chỉ tạm trú, trình độ văn hóa, trình độ học vấn, tình khai sinh, mã định danh BHYT/Số thẻ BHYT, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/tp, nơi ở hiện tại, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/tp, số điện thoại cố định, di động, họ tên mẹ, họ tên bố, họ tên người chăm sóc chính, mối quan hệ, số điện thoại bố/mẹ/người chăm sóc chính, thông tin nhận con nuôi;

- Thông tin về người (hộ) chuyển đi khỏi xã: thông tin cơ bản, ngày đi;
- Thông tin về người (hộ) chuyển đến từ xã khác: thông tin cơ bản, ngày đến.

b) Thông tin về sử dụng biện pháp tránh thai: ngày thực hiện, người thực hiện, phương pháp, chức danh chuyên môn người thực hiện, tư vấn; ngừng sử dụng các biện pháp tránh thai, các trường hợp phá thai tại Trạm Y tế xã;

c) Quản lý thông tin về trẻ mới sinh (tất cả số sinh tại địa bàn):

- Thông tin về người mẹ: thông tin cơ bản, thời điểm sinh con, nơi đẻ;
- Thông tin về trẻ mới sinh: thông tin cơ bản, con thứ;
- Thông tin về sàng lọc, chẩn đoán sơ sinh, điều trị, can thiệp (nếu có).

d) Quản lý thông tin các đối tượng đặc thù, nguy cơ, yếu thế (người cao tuổi, người khuyết tật, ...).

- Thông tin cơ bản, khám sức khỏe định kỳ;
- Thông tin về bảo hiểm y tế.

đ) Quản lý thông tin về Giấy chứng sinh/ Giấy chứng tử:

- Thông tin về giấy chứng sinh;
- Thông tin về giấy chứng tử.

e) Quản lý thông tin truyền thông dân số, tư vấn chuyên môn và một số thông tin quản lý chuyên ngành khác .

2. Quản lý khám bệnh, chữa bệnh

a) Lập phiếu đăng ký khám bệnh: Hệ thống cho phép ghi nhận thông tin hành chính của người bệnh (mã người bệnh, họ tên, tuổi, địa chỉ, nghề nghiệp,...);

b) Quản lý người bệnh ngoại trú, lưu trú (nếu có): Quản lý thông tin từng lần khám bệnh, gồm: ngày đăng ký khám, bác sỹ khám, từng loại bệnh, các biện pháp xử lý, lập và in đơn thuốc;

c) Quản lý đơn thuốc: Thông tin kê đơn thuốc theo quy định, tìm kiếm thông tin đơn thuốc, cập nhật thông tin đơn thuốc cho từng người bệnh, in đơn thuốc; Khuyến khích có chức năng kiểm tra tương tác thuốc;

d) Quản lý các dịch vụ y tế khác do Trạm Y tế xã, phường, thị trấn cung cấp;

đ) Quản lý tình trạng của người bệnh, chuyển tuyến trên, liên thông cấp cứu trực tuyến với tuyến trên, tử vong;

e) Quản lý chi phí và in chi phí khám bệnh, chữa bệnh;

g) Quản lý, chăm sóc sức khỏe theo nguyên lý y học gia đình cho cá nhân, hộ gia đình;

h) Quản lý khám sức khỏe cộng đồng;

i) Quản lý khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền;

k) Trích xuất tự động dữ liệu khám chữa bệnh thanh toán Bảo hiểm y tế (BHYT) sang Cổng tiếp nhận dữ liệu Hệ thống thông tin giám định BHYT của cơ quan Bảo hiểm xã hội và Hệ thống quản lý hồ sơ sức khỏe và các Hệ thống khác theo quy định của Bộ Y tế;

l) Ghi nhận và theo dõi dữ liệu kiểm tra hàng ngày của bệnh nhân mãn tính (huyết áp, tiểu đường, gút, ...);

m) Khuyến khích kết nối với các thiết bị y tế (IoT) đo sinh hiệu và truyền dữ liệu tự động;

n) Khuyến khích cung cấp các tiện ích hỗ trợ người dùng như đọc mã vạch trên thẻ BHYT, thanh toán điện tử, tích hợp thẻ thông minh,...

3. Quản lý bệnh truyền nhiễm

a) Quản lý thông tin người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm: Mã bệnh nhân, họ tên, ngày sinh, giới tính, nghề nghiệp, nơi ở hiện nay (số nhà, đường/phố, tổ/xóm, ấp/bản, phường/xã/thị trấn, quận/huyện/thị xã/TP, tỉnh/thành phố), điện thoại liên lạc, tên bệnh, nhóm bệnh, mã bệnh theo ICD 10, dân tộc, điện thoại liên lạc, nơi làm việc/học tập, tình trạng (mắc/tử vong), tiền sử dịch tễ (thời gian đi lại trước khi mắc bệnh, tiếp xúc người bệnh/trường hợp nghi ngờ, tiếp xúc động vật/gia cầm, nơi tiếp xúc), triệu chứng, tiền sử bệnh;

b) Quản lý các thông tin điều trị gồm: phân loại chẩn đoán, ngày khởi phát, ngày lấy mẫu, ngày có kết quả, kết quả xét nghiệm, kết quả điều trị, tình trạng hiện tại, cơ sở điều trị;

c) Các thông tin quản lý đảm bảo đầy đủ đáp ứng theo biểu mẫu đầu ra của báo cáo bệnh truyền nhiễm theo quy định;

d) Khuyến khích xây dựng các chức năng hỗ trợ theo dõi, dự báo, cảnh báo sớm dịch bệnh truyền nhiễm.

4. Quản lý bệnh không lây nhiễm

a) Quản lý thông tin người bệnh mắc bệnh không lây nhiễm: tên bệnh, ngày khám, ngày phát hiện, nơi phát hiện, theo dõi diễn biến của bệnh, trường hợp chuyển đi, tử vong; quản lý và cung cấp thuốc theo tháng;

b) Quản lý bệnh án của bệnh nhân theo thông tin quy định của Bộ Y tế;

c) Các thông tin quản lý bảo đảm đầy đủ đáp ứng theo biểu mẫu đầu ra của báo cáo bệnh không lây nhiễm theo quy định;

d) Khuyến khích cung cấp chức năng theo dõi Hồ sơ quản lý bệnh mãn tính theo đặc thù, ví dụ: nhắc lịch tái kiểm tra định kỳ, nhắc lịch uống thuốc, ... trên các thiết bị thông minh (smart-phone, ...).

5. Quản lý chăm sóc sức khỏe sinh sản

a) Quản lý thông tin khám thai: ngày khám, nơi khám, ngày kinh cuối, lần có thai, tuần thai, dự kiến sinh, chiều cao tử cung, vòng bụng, khung chậu, tiên lượng đẻ, tim thai, ngôi thai, người khám, tình trạng thiếu máu/Huyết sắc tố, kết quả protein niệu, kết quả xét nghiệm HIV, kết quả xét nghiệm Giang mai, kết quả xét nghiệm Viêm gan B;

b) Quản lý thông tin sinh đẻ: tuần thai, ngày đẻ, kết quả xét nghiệm HIV, Giang mai, Viêm gan B, số lượng đẻ đủ tháng, số lượng đẻ non, số lượng sảy phá thai, số con hiện có, tai biến sản khoa, cân nặng, giới tính, tình trạng con, tử vong thai nhi từ 22 tuần đến khi đẻ, nơi đẻ, người đỡ đẻ, được chăm sóc sơ sinh thiết yếu sớm, tiêm vitamin K1, cấp Giấy chứng sinh, chăm sóc sau sinh tại nhà;

c) Thông tin phá thai: ngày phá thai, tuần thai, phương pháp, kết quả soi mô, người thực hiện, khám sau 2 tuần, ghi chú.

6. Quản lý phòng, chống HIV/AIDS

a) Quản lý các thông tin về người bệnh HIV/AIDS bao gồm: tên bệnh, giới tính, năm sinh, dân tộc, nơi cư trú hiện tại, phân loại đối tượng, cơ sở trả kết quả xét nghiệm dương tính;

b) Quản lý thông tin ngày có kết quả xét nghiệm khẳng định nhiễm HIV, nơi quản lý Điều trị ARV, ngày tử vong;

c) Quản lý các thông tin trong công tác phòng chống HIV/AIDS bao gồm:

- Hoạt động can thiệp giảm tác hại: Đối tượng (nghiện chích ma túy, phụ nữ bán dâm, nam có quan hệ tình dục với nam, vợ/chồng/bạn tình của người nhiễm HIV), được nhận dịch vụ (bơm kim tiêm, bao cao su, chất bôi trơn, giới thiệu tư vấn, xét nghiệm...);

- Truyền thông về phòng, chống HIV/AIDS: Các hình thức truyền thông về HIV/AIDS.

7. Quản lý tiêm chủng và sử dụng vắc xin phòng bệnh (sau đây gọi tắt là tiêm chủng)

a) Tạo lịch tiêm chủng: danh sách cán bộ tiêm, ngày tiêm, danh sách vắc xin, danh sách địa điểm, ghi chú, đối tượng (trẻ em, bà mẹ);

b) Nhắc lịch tiêm: Tìm kiếm đối tượng đưa vào lịch tiêm chủng theo ngày sinh, giới tính, đối tượng. In danh sách theo lịch tiêm chủng; in giấy hẹn tiêm chủng; khuyến khích gửi thông tin lịch tiêm qua thư điện tử, tin nhắn;

c) Khám sàng lọc trước tiêm chủng theo 9 tiêu chí quy định của Bộ Y tế;

d) Quản lý thông tin tiêm chủng: ngày tiêm theo lịch, ngày tiêm thực tế, đợt tiêm, địa điểm, vắc xin, mũi tiêm, thuốc, vật tư y tế sử dụng, phản ứng sau tiêm chủng;

đ) Quản lý Chương trình tiêm chủng: tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng dịch vụ, tiêm chủng theo chiến dịch;

e) Quản lý lịch sử tiêm chủng và lịch hẹn tiêm chủng của các đối tượng tham gia các Chương trình tiêm chủng;

g) Quản lý theo dõi số liệu báo cáo hoạt động tiêm chủng: kế hoạch tiêm, kết quả tiêm theo vắc xin, theo kháng nguyên, theo độ tuổi; báo cáo sử dụng vật tư, vắc xin tại đơn vị; phản ứng sau tiêm; kết xuất thông tin, dữ liệu về tình hình tiêm chủng dưới dạng biểu đồ (tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ, tiến độ tiêm chủng đầy đủ).

8. Quản lý uống vitamin A

a) Tạo lịch uống vitamin A: ngày uống, loại vitamin, danh sách địa điểm, ghi chú;

b) Nhắc lịch uống vitamin A: Tìm kiếm đối tượng đưa vào lịch uống theo ngày sinh, giới tính; in danh sách theo lịch uống; in giấy hẹn uống; khuyến khích gửi thông tin lịch uống qua thư điện tử, tin nhắn;

c) Quản lý thông tin từng lần uống vitamin A: ngày uống theo lịch, ngày uống thực tế, địa điểm, vitamin, liều.

9. Quản lý phòng, chống suy dinh dưỡng

a) Tạo lịch cân đo: ngày cân, địa điểm, ghi chú;

b) Nhắc lịch cân: Tìm kiếm đối tượng đưa vào lịch cân theo ngày sinh, giới tính; in danh sách theo lịch cân; in giấy hẹn cân; khuyến khích gửi thông tin lịch cân qua thư điện tử, tin nhắn;

c) Quản lý thông tin cân: ngày cân theo lịch, ngày cân thực tế, địa điểm, chiều cao, cân nặng, suy dinh dưỡng;

d) Khuyến khích cung cấp chức năng thông minh trong việc đánh giá suy dinh dưỡng căn cứ theo các bảng khuyến nghị của Bộ Y tế hoặc Tổ chức y tế thế giới.

10. Quản lý phòng, chống tai nạn thương tích

Quản lý thông tin người bệnh mắc, tử vong do tai nạn thương tích bao gồm: thông tin cá nhân (họ và tên, tuổi, giới, nghề nghiệp), địa điểm xảy ra, bộ phận cơ thể bị thương theo Phân loại thống kê quốc tế về các bệnh tật và vấn đề sức khỏe liên quan phiên bản thứ 10 (ICD10), nguyên nhân (tai nạn giao thông; tai nạn lao động; súc vật, động vật cắn, đốt, húc...; ngã; bỏng; ngộ độc; đuối nước; tự tử; bạo lực, xung đột; tai nạn khác...) và nơi điều trị ban đầu sau tai nạn thương tích.

11. Quản lý thông tin tử vong

a) Quản lý thông tin tử vong: Họ, chữ đệm, tên, năm sinh của người chết; số định danh cá nhân của người chết (nếu có); nơi chết; nguyên nhân chết; giờ, ngày, tháng, năm chết theo Dương lịch; quốc tịch nếu người chết là người nước ngoài;

b) Quản lý thông tin tử vong mẹ:

- Khi đang mang thai: tuổi thai, tử vong mẹ;
- Thông tin về chết mẹ do nguyên nhân sinh đẻ;
- Thông tin về chết trẻ mới sinh.

12. Quản lý thuốc thiết yếu và vật tư y tế

a) Hệ thống đáp ứng được các chức năng bao gồm: Khai báo tồn đầu kỳ; lập các phiếu nhập kho; lập các phiếu xuất; xem tồn kho, cảnh báo thuốc sắp hết hạn, thuốc hết hạn, thanh lý thuốc, dự trữ thuốc;

b) Quản lý và kết xuất các thông tin báo cáo: nhập xuất tồn, biên bản kiểm nhập, thẻ kho, biên bản kiểm kê;

c) Hệ thống quản lý thuốc thiết yếu và vật tư y tế phải trao đổi dữ liệu được với các hệ thống khác để phục vụ tra cứu thông tin về thuốc, kê đơn thuốc.

13. Quản lý tài sản, trang thiết bị

a) Danh mục tài sản trang thiết bị: Mã tài sản, tên tài sản, loại tài sản, bộ phận sử dụng, số lượng, nguyên giá, hao mòn/ khấu hao, giá trị còn lại, ngày ghi tăng, ký hiệu, hãng sản xuất, năm sản xuất, chứng nhận, tình trạng, hạn sử dụng, ghi chú;

b) Lập phiếu dự trữ: Mã tài sản, tên tài sản, quy cách Model/mẫu mã, hãng/Nước Nhà cung cấp, đơn vị tính, đơn giá, số lượng, thành tiền, ghi chú;

c) Nhận vật tư trang thiết bị: Mã tài sản, tên tài sản, loại tài sản, bộ phận sử dụng, số lượng, nguyên giá, hao mòn/ khấu hao, giá trị còn lại, ngày ghi tăng, ký hiệu, hãng sản xuất, năm sản xuất, chứng nhận, tình trạng, hạn sử dụng, ghi chú;

d) Quản lý và kết xuất các thông tin báo cáo: biên bản giao nhận, biên bản kiểm kê, biên bản thanh lý, báo cáo tăng giảm công cụ dụng cụ, sổ tài sản cố định.

14. Quản lý truyền thông, giáo dục sức khỏe

a) Quản lý hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe bao gồm các thông tin: Nội dung đầu mục hoạt động tuyên truyền, thời gian tổ chức, các hoạt động cụ thể, địa điểm thực hiện, kết quả đầu ra, đơn vị/người thực hiện, phối hợp thực hiện;

b) Xây dựng, quản lý, lưu trữ kế hoạch, các văn bản liên quan và nội dung tài liệu, tư liệu, hiện vật phục vụ công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe cho cộng đồng.

15. Quản lý vệ sinh môi trường

a) Quản lý thông tin các công trình nhà tiêu hộ gia đình bao gồm: Chủ hộ, địa chỉ, loại công trình, ngày kiểm tra, tình trạng (hợp vệ sinh hay không hợp vệ sinh);

b) Quản lý thông tin nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh môi trường: Thông tin chủ hộ, địa chỉ, thông tin loại nguồn nước của hộ dân, kết quả kiểm tra.

16. Quản lý an toàn thực phẩm

a) Quản lý các cơ sở được cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm: Tên cơ sở, địa chỉ, điện thoại, thông tin giấy chứng nhận;

b) Quản lý thông tin cơ sở vi phạm: Tên cơ sở, ngày kiểm tra, nội dung vi phạm, mức độ vi phạm, biện pháp khắc phục;

c) Quản lý ngộ độc thực phẩm:

- Thông tin ngộ độc thực phẩm: Thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc, người mắc đầu tiên, người mắc cuối cùng, địa điểm, số người ăn, số người mắc, số người đi viện, số người chết, căn nguyên, triệu chứng, lấy mẫu, kiến nghị;

- Thông tin chi tiết: người mắc, tuổi, địa chỉ, ngày mắc, ngày vào viện, ngày ra viện, nguyên nhân, kết quả.

d) Thông kê nguồn lực quản lý an toàn thực phẩm: Tổng số cán bộ, nhân viên; phân loại cán bộ chuyên trách, cán bộ kiêm nhiệm; trình độ học vấn; thiết bị văn phòng của bộ phận được phân công nhiệm vụ bảo đảm ATTP;

đ) Thông tin cơ sở thực phẩm: Tổng số cơ sở trên địa bàn xã; số cơ sở thuộc quản lý của UBND xã; số cơ sở có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện/tổng số cơ sở phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

e) Hoạt động thông tin truyền thông an toàn thực phẩm: Số lượng buổi nói chuyện, phát thanh loa, đài, băng rôn, khẩu hiệu về an toàn thực phẩm;

g) Hoạt động thanh tra, kiểm tra: số lượng đoàn thanh tra, kiểm tra; số cơ sở được thanh tra, kiểm tra; số cơ sở đạt, số cơ sở vi phạm, xử lý vi phạm (phạt tiền, xử phạt bổ sung, khắc phục hậu quả);

h) Hoạt động kiểm nghiệm an toàn thực phẩm: Tổng số mẫu xét nghiệm nhanh hóa lý, vi sinh vật; số mẫu đạt, số mẫu không đạt;

k) Giám sát ngộ độc thực phẩm: Số vụ ngộ độc thực phẩm; số người mắc; số người tử vong; số vụ ≥ 30 người mắc;

l) Kinh phí triển khai hoạt động về ATTP: Ngân sách từ Trung ương; ngân sách từ địa phương; nguồn kinh phí khác (ghi rõ).

17. Quản lý tài chính - kế toán

a) Quản lý được danh mục các khoản thu, chi tại đơn vị: Mã khoản chi/ thu, tên khoản chi/ thu, mô tả, định mức, trạng thái khoản chi/ thu, ghi chú;

b) Quản lý Phiếu thu:

- Thông tin chi tiết phiếu thu: Đơn vị, địa chỉ, quyển số, số, ngày tháng năm lập phiếu thu, họ và tên người nộp tiền, địa chỉ, lý do nộp, số tiền;

- Quản lý danh sách phiếu thu.

c) Quản lý Phiếu chi:

- Thông tin chi tiết phiếu chi: Đơn vị, địa chỉ, quyển số, số, ngày tháng năm lập phiếu chi, họ và tên người nhận tiền, địa chỉ, lý do nộp, số tiền ;

- Quản lý danh sách phiếu chi.

d) Quản lý và kết xuất các thông tin báo cáo: sổ thu chi, báo cáo thu/chi chi tiết và tổng hợp.

18. Quản lý tư vấn, đăng ký khám, chữa bệnh từ xa

a) Đặt lịch khám từ xa: Thông tin hành chính người đặt lịch khám, thời gian đặt lịch, bác sĩ, tên cơ sở y tế, phòng khám, giờ khám, ghi chú;

b) Quản lý khám bệnh: Duyệt đặt lịch hẹn, cho phép bệnh nhân và bác sỹ gọi điện thoại có âm thanh và hình ảnh, cập nhật thông tin khám/ tư vấn, khuyến khích gửi tin nhắn thông báo cho bệnh nhân duyệt lịch cho bệnh nhân;

c) Quản lý hội chẩn tuyến trên: Tạo lịch hội chẩn, mời các thành viên tham gia, hội chẩn qua cuộc gọi có âm thanh và hình ảnh.

19. Quản lý nhân lực y tế

Thông tin nhân lực y tế: Số chứng chỉ hành nghề, thời gian cấp, đơn vị cấp, họ tên, năm sinh, giới tính, chuyên ngành, đơn vị đang công tác, địa chỉ đơn vị đang công tác (tỉnh/ thành phố- quận/ huyện- phường/xã), địa chỉ thường trú (tỉnh/thành phố- quận/huyện- phường/xã), địa chỉ nơi ở hiện tại tỉnh/thành phố-quận/huyện- phường/xã, chức vụ hiện tại, chức danh hiện tại, tình trạng (đang công tác/đã nghỉ hưu), loại nhân lực (nhân lực thôn bản/biên chế/hợp đồng), chuyên ngành/khoa chính, chuyên ngành/khoa phụ, số điện thoại, số chứng minh nhân dân/căn cước công dân, ngày cấp, nơi cấp.

20. Báo cáo thống kê

Hệ thống kết xuất và in được các biểu mẫu báo cáo thống kê y tế xã, phường, thị trấn như sau:

a) Các biểu mẫu báo cáo thống kê theo Thông tư số 37/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019 của Bộ Y tế quy định chế độ báo cáo ngành y tế, bao gồm:

- Mẫu sổ ghi chép ban đầu (Phụ lục I Thông tư 37/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019):

STT	Ký hiệu sổ	Tên sổ/ phiếu
1	A1/CSYT	Sổ khám bệnh
2	A2.1/CSYT	Sổ tiêm chủng cơ bản cho trẻ em
3	A2.2/CSYT	Sổ tiêm vắc xin uốn ván cho phụ nữ
4	A3/CSYT	Sổ khám thai
5	A4/CSYT	Sổ đẻ
6	A5.1/CSYT	Sổ thực hiện các biện pháp tránh thai
7	A5.2/CSYT	Sổ phá thai
8	A6/TYT	Sổ theo dõi tử vong
9	A7/TYT	Sổ theo dõi, quản lý bệnh nhân sốt rét
10	A8/TYT	Sổ theo dõi, quản lý bệnh nhân Tâm thần tại cộng đồng
11	A9/TYT	Sổ theo dõi, quản lý bệnh nhân Lao tại cộng đồng
12	A10/TYT	Sổ theo dõi, quản lý bệnh nhân HIV tại cộng đồng

STT	Ký hiệu sổ	Tên sổ/ phiếu
13	A11/TYT	Sổ theo dõi công tác truyền thông GDSK
14	A12.1/TYT	Sổ quản lý bệnh tăng huyết áp
15	A12.2/TYT	Sổ quản lý bệnh đái tháo đường
16	A12.3/TYT	Sổ quản lý bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính
17		Phiếu theo dõi bệnh nhân Phong

- Mẫu báo cáo thống kê y tế tuyến xã, phường, thị trấn (Phụ lục II Thông tư 37/2019/TT-BYT ngày 30/12/2019):

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu
1	Biểu 1/BCX	Thông tin chung
2	Biểu 2/BCX	Tình hình nhân lực y tế xã
3	Biểu 3/BCX	Hoạt động chăm sóc bà mẹ và trẻ em
4	Biểu 4/BCX	Hoạt động khám chữa bệnh
5	Biểu 5/BCX	Tình hình mắc và tử vong bệnh truyền nhiễm gây dịch
6	Biểu 6/BCX	Hoạt động phòng chống sốt rét, HIV/AIDS, tai nạn thương tích và sức khỏe tâm thần
7	Biểu 7/BCX	Hoạt động phát hiện, quản lý điều trị bệnh không lây nhiễm
8	Biểu 8/BCX	Tình hình tử vong tại cộng đồng

b) Biểu mẫu 1- Báo cáo trường hợp bệnh, Biểu mẫu 2- Báo cáo tuần hoạt động phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm, Biểu mẫu 3- Báo cáo bệnh truyền nhiễm theo tháng quy định tại Phụ lục 2 Thông tư số [54/2015/TT-BYT](#) ngày 28/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế về hướng dẫn chế độ thông tin báo cáo và khai báo bệnh, dịch bệnh truyền nhiễm;

c) Biểu mẫu số 01, Phụ lục số 04 Thông tư số [50/2015/TT-BYT](#) ngày 11/12/2015 quy định việc kiểm tra vệ sinh, chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt;

d) Biểu mẫu báo cáo tại Phụ lục 1 - Mẫu báo cáo công tác phòng, chống HIV/AIDS - tuyến xã quy định tại Thông tư số [03/2015/TT-BYT](#) ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế Quy định chế độ báo cáo công tác phòng chống HIV/AIDS;

đ) Biểu mẫu báo cáo tại Phụ lục 2 - Mẫu báo cáo giám sát ca bệnh quy định tại Thông tư số [09/2012/TT-BYT](#) ngày 24/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế về giám sát dịch tễ học HIV/AIDS và giám sát các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục;

e) Biểu mẫu báo cáo về BHYT tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Quyết định số [1399/QĐ-BHXH](#) ngày 22/12/2014 của Tổng Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam: Sổ cấp thuốc BHYT; danh sách đề nghị thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh; tổng hợp chi phí khám chữa bệnh BHYT ngoại trú; bảng tổng hợp chi phí khám chữa bệnh cho người bệnh BHYT; báo cáo chi phí thuốc BHYT sử dụng; thống kê tổng hợp dịch vụ kỹ thuật sử dụng cho người bệnh BHYT Điều trị;

g) Xây dựng biểu mẫu báo cáo theo Phụ lục quy định tại TT34/TT-BYT 2018 ngày 16/11/2018 quy định chi tiết một số điều của nghị định số 104/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về hoạt động tiêm chủng tại trạm y tế xã;

h) Các biểu mẫu báo cáo dân số và kế hoạch hóa gia đình theo Quyết định số 18/QĐ-TCDS ngày 17/3/2016 của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, bao gồm:

- Báo cáo dân số - kế hoạch hóa gia đình (biểu: 01-DSX, 02-DSX, 03-DSX);
- Sổ ghi chép ban đầu về dân số - kế hoạch hóa gia đình (sổ A0).

i) Xây dựng các biểu đồ phân tích phục vụ quản lý, điều hành trạm y tế xã.

21. Danh mục dùng chung

Hệ thống sử dụng bộ mã danh mục dùng chung, các danh mục dịch vụ kỹ thuật và các danh mục giá dịch vụ y tế.

22. Quản trị hệ thống

a) Quản lý người dùng: Quản lý người dùng hệ thống, phân quyền, nhật ký người sử dụng;

b) Quản lý thông tin về cấu hình hệ thống: Thiết lập tham số cấu hình kết nối cơ sở dữ liệu; thiết lập tham số chế độ làm việc; sao lưu; nhật ký hệ thống đầy đủ mọi hoạt động người dùng; đăng nhập, đăng xuất và các chức năng cấu hình khác liên quan.

23. Liên thông, chia sẻ dữ liệu

Hệ thống kết nối, liên thông và chia sẻ dữ liệu chuyên ngành với hệ thống cơ sở dữ liệu tuyến huyện, tuyến tỉnh, Bộ Y tế và cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam thông qua nền tảng kết nối chia sẻ dữ liệu y tế cơ sở của Bộ Y tế (V20), cụ thể:

- Dữ liệu thống kê y tế;
- Dữ liệu nhân lực y tế;
- Dữ liệu khám chữa bệnh;

- Dữ liệu thuốc thiết yếu và vật tư y tế;
- Dữ liệu tiêm chủng;
- Dữ liệu bệnh không lây;
- Dữ liệu bệnh truyền nhiễm;
- Dữ liệu quản lý phòng, chống tai nạn thương tích;
- Dữ liệu y tế dự phòng như: Lao, Tâm Thần, HIV;
- Dữ liệu chuyên ngành y tế khác;

Đồng thời sẵn sàng triển khai đồng bộ thông tin người dân với cơ sở dữ liệu về dân cư theo yêu cầu.

III. HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÀ NHÂN LỰC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

1. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin

a) Có đủ máy trạm và các thiết bị đi kèm với cấu hình phù hợp (đủ công suất, hiệu năng, tốc độ xử lý truy xuất dữ liệu) đáp ứng yêu cầu triển khai các hoạt động y tế trên môi trường mạng;

b) Hệ thống mạng (mạng viễn thông, mạng internet, mạng nội bộ, các kết nối khác) được thiết kế, triển khai phù hợp, có băng thông đáp ứng mục đích sử dụng đối với các hoạt động y tế trên môi trường mạng;

c) Các thiết bị khác (đầu đọc Barcode, Camera,...) theo yêu cầu của Hệ thống.

2. Điều kiện về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin

Có biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho các máy tính tại Trạm Y tế khi kết nối mạng; bảo đảm an toàn thông tin đường truyền mạng trong quá trình triển khai Hệ thống thông tin quản lý Trạm Y tế xã, phường, thị trấn.

3. Nhân lực phụ trách công nghệ thông tin

Đào tạo, bố trí tối thiểu 01 (một) cán bộ phụ trách có khả năng vận hành, duy trì ổn định phần mềm và kết nối, triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại Trạm.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cục Công nghệ thông tin

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này;

b) Tổng hợp và báo cáo Bộ trưởng tình hình ứng dụng công nghệ thông tin tại Trạm Y tế xã.

2. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế

Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin trong việc chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Tham mưu, đề xuất UBND tỉnh bố trí kinh phí để triển khai thực hiện các nội dung kế hoạch này;

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này tại Trạm Y tế xã thuộc thẩm quyền quản lý;

c) Báo cáo về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin tại Trạm y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn về Bộ Y tế (Cục Công nghệ thông tin) theo quy định.